TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2023/DS-PT
Ngày: 22/9/2023.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên
Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm
ông Phạm Tồn

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3212/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đinh Thiên C, sinh năm 1956; địa chỉ cũ: K đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ mới: số H đường C, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Đinh Thị L, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Đinh Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn P, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (theo văn bản uỷ quyền ngày 23/3/2023). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Bùi Xuân N – Luật sư của Công ty L7 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Đ, số B đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ: ông Võ Huy T - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện H, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản uỷ quyền số 03/GUQ-STNMT ngày 22/02/2021). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện H, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: A ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Đinh L1, sinh năm 1940; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Đinh Viết T1, sinh năm 1968; địa chỉ: số D đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Đinh Thị T2, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người đại diện hợp pháp của bà* Đinh Thị H*, ông* Đinh L1*, ông* Đinh Viết T1 *và bà* Đinh Thị T2*:* ông Đinh Thiên C, sinh năm 1956; địa chỉ: K đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản uỷ quyền ngày 25/01/2021 và ngày 13/3/2021). Có mặt.

- Bà Đinh Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn P, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Đinh Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: K đường Đ, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Đinh Thị Thu L2, sinh năm 1971; địa chỉ: số G đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Đinh Viết B1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1939; địa chỉ: thôn Q, xà H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người đại diện hợp pháp của bà* Nguyên Thị S1*, ông* Đinh Viết B1*:* ông Đinh Thiên C, sinh năm 1956; địa chỉ: K đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản uỷ quyền ngày 05/4/2023 và ngày 23/5/2023). Có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Đinh Thiên C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, nguyên đơn ông*** Đinh Thiên C ***trình bày:***

Cha mẹ ông C là cụ Đinh T3 (còn có tên khác Đinh Viết L3, chết năm 1989) và cụ Hồ Thị D (chết năm 1986) không để lại di chúc. Cha mẹ ông C có 07 người con gồm: bà Đinh Thị B2, ông Đinh Viết N1, ông Đinh Viết B3, ông Đinh Văn T4, ông Đinh L4, ông Đinh L1, ông Đinh Thiên C. Bà B2, ông N1, ông B3 chết khi còn trẻ, không có vợ, chồng, con. Ông Đinh Văn T4 (chết năm 2016), có 02 vợ, vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị M (chết); ông T4 và bà M có 02 con chung là bà Đinh Thị B, bà Đinh Thị L. Người vợ thứ hai là bà Trần Thị C1 (còn sống), ông T4 và bà C1 có 02 người con chung là ông Đinh Văn P, bà Đinh Thị L2 (Đinh Thị Thu L2). Ông Đinh L4 (chết năm 2019), có vợ là bà Nguyễn Thị S; ông L4 và bà S có 04 người con chung là ông Đinh Viết T1, ông Đinh Viết B1, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị T2. Tài sản cha mẹ ông để lại gồm: nhà và đất tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.406m^2 đất thổ cư tại thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và trên đất có nhà mái lợp ngói, tường xây gạch, kết cấu ba gian. Theo hồ sơ 299/TTg, thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4, cha mẹ ông cho ông Đinh L4 (con trai thứ ba) đăng ký 500m^2 đất thổ cư; cụ Đinh T3 đăng ký 500m^2 đất thổ cư và cho bà Nguyễn Thị M (con dâu) đăng ký 406m^2 đất thổ cư.

Năm 1994, bà M đã tự ý kê khai gộp 500m^2 đất thổ cư trên đó có căn nhà ngói 03 gian mà cha mẹ ông đã tạo lập từ năm 1964 vào cùng diện tích đất của bà M theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Từ nguồn gốc 1.406m^2 đất thổ cư của cha mẹ ông tách thành 02 thửa cho ông L4 và bà M. Thửa số 541 tờ bản đồ số 7, ông L4 kê khai đăng ký với diện tích 792m^2 đất thổ cư. Thửa số 544 tờ bản đồ số 7 bà M đăng ký với diện tích 817m^2 đất thổ cư, bao gồm cả phần diện tích đất mà cụ Đinh T3 đã đăng ký 500m^2 đất thổ cư, trên đó có căn nhà ngói 3 gian theo hồ sơ đăng ký Chỉ thị 299/TTg. Tài sản gồm ngôi nhà ngói 03 gian gắn liền với 500m^2 đất thổ cư do cha mẹ ông C tạo lập từ năm 1964 và đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Sau khi cha mẹ ông chết, bà M không thông qua những người đồng thừa kế đã tự ý kê khai gộp 500m^2 đất thổ cư và nhà của cha mẹ ông chung với diện tích đất của bà M. Năm 2013, bà Đinh Thị L (con gái bà M và ông T1) đã lập thủ tục thay đổi chủ sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất đứng tên bà M qua tên bà L. Ngày 04/6/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN090542 đối với thửa đất số 544, tờ bản đồ số 7, diện tích 888m^2, địa chỉ thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đứng tên bà Đinh Thị L. Qua đo đạc thực tế là 996m^2, trong đó ông xác định phần diện tích đất thừa kế do cha mẹ để lại là 590,5m^2 đất và 01 ngôi nhà có diện tích 55,2m^2 hiện nay đang nằm trên diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN090542 cấp ngày 04/6/2013 đứng tên bà L và bà L đang quản lý, sử dụng. Năm 2019, ông đã trao đổi với anh em trong họ tộc tu sửa nhà ở của cha mẹ thành nhà thờ để lo hương khói thờ phụng tổ tiên. Lúc này ông mới phát hiện toàn bộ tài sản nhà đất của cha mẹ ông đứng tên bà L nên ông yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Rút yêu cầu khởi kiện hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đinh L4 đứng tên để trả lại 18m^2 đất mà ông kê khai gộp vào phần diện tích của ông.

+ Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 090542, tại thửa đất số 544, tờ bản đồ số 7, diện tích 888m^2, tại thôn Q, xã H, huyện H, Tp . đã cấp cho bà Đinh Thị L.

+ Công nhận phần diện tích 590,5m^2 và ngôi nhà có diện tích 55,2m^2 là di sản thừa kế do cha mẹ ông là cụ ông Đinh T3 và cụ bà Hồ Thị D để lại. Trường hợp bà L đồng ý tách 200m^2 đất làm đất nhà thờ và 150m^2 đất cho ông được quyền sử dụng thì ông rút đơn khởi kiện. Nếu bị đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn bà*** Đinh Thị L***, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà*** Đinh Thị B ***trình bày:***

Mẹ bà là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934 (chết), cha bà là ông Đinh Văn T4, sinh năm 1925 (chết). Bà M là vợ cả ông T4, là dâu trưởng của cụ Đinh T3 (sinh năm 1903, chết năm 1987) và cụ Hồ Thị D (sinh năm 1910, chết năm 1986). Bà M là chủ sở hữu và sử dụng nhà và đất tại thửa đất số 544, tờ bản đồ số 7, diện tích 888m^2 (đất ở 400m^2; đất trồng cây hàng năm khác 448m^2), diện tích xây dựng 97,5m^2, địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1994. Bà M tặng cho bà toàn bộ nhà đất nên bà là chủ sử dụng, chủ sở hữu nhà và đất. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì những lý do sau: trước đây hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, cha mẹ bà nuôi hai chị em bà (bà L và bà B). Năm 1964, cha mẹ bà dành dụm xây căn nhà bằng gạch đất và vôi trên thửa đất số 544, tờ bản đồ số 07 tại thôn Q, xã H. Năm 1988, do thiên tai lũ cuốn, căn nhà đã sụp đổ hoàn toàn. Cha mẹ bà xây dựng căn nhà mới ba gian thay căn nhà cũ đã sụp đổ. Căn nhà mới lớn hơn căn nhà cũ (có người làm chứng đối với việc xây dựng này). Từ năm 1992 đến 1994, do kinh tế gia đình khó khăn, bà B làm ăn bên Lào đã dành dụm được tiền gửi về sửa lại căn nhà ba gian mà cha mẹ bà đã xây dựng mới trước đây như làm cửa, xây thêm mái hiên để mẹ bà nằm vì bà đau ốm không đi lại được. Mẹ bà đau ốm triền miên, gia đình bà là hộ nghèo của xã trong nhiều năm liền nên năm 1995, UBND xã H hỗ trợ gia đình bà 17.000.000đồng để làm nhà tránh lũ. Mẹ con bà đã phải vay mượn thêm tiền để xây dựng căn nhà thứ hai tránh lũ. Do đó, hiện nay trên thửa đất số 544, tờ bản đồ số 07 có 02 căn nhà đều do cha mẹ bà là ông Đinh Văn T4 và bà Nguyễn Thị M xây dựng. Như vậy, bà xác định thời điểm sử dụng đất này từ khi người cuối cùng mất là cụ Đinh T3 (chết năm 1987) và cụ D (chết năm 1986). Bà sử dụng đất và không ngừng cải tạo đất, lấp đất san bằng cho đến khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng, bà M xây 02 căn nhà trên, căn nhà ba gian từ năm 1988 và xây tiếp căn nhà 1992. Trong quá trình làm hai căn nhà này, mẹ con bà đã sửa chữa nhiều lần, xây nhà kiên cố, ông C và các anh em ở gần đó đều biết và không có ý kiến hay tranh chấp khiếu nại về việc xây dựng này. Bà M sử dụng đất, không ngừng cải tạo lấp đất, xây hai căn nhà đều có người làm chứng. Bà M sử dụng ngay tình công khai liên tục và đóng thuế cho Nhà nước, không ai tranh chấp từ năm 1987 đến nay và đến khi UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, bà M tặng cho bà L toàn bộ nhà đất nêu trên. Đến thời điểm bà nhận được thông báo thụ lý vụ án thì bà đã quản lý nhà đất

trên 34 năm. Ông C cho rằng cụ Đinh T3 có kê khai trong sơ đồ 299/TTg là 500m^2 đất thổ cư nhưng không có giấy tờ chứng minh cụ T3 sử dụng đất nêu trên và cũng không cung cấp được biên lai thuế nào của cụ T3 đóng thuế cho Nhà nước từ thời điểm đó. Vì vậy, bà không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Đinh Thiên C về việc *"Công nhận di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt"*. Ngày 20/4/2023, bị đơn bà Đinh Thị L có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- *Ông* Đinh Văn P*, bà* Đinh Thị Thu L2 *trình bày:* ông bà là con ông Đinh T4 và bà Trần Thị C1. Ông T4 có 02 người vợ, người vợ đầu (bà Nguyễn Thị M), người vợ thứ hai là bà C1 (mẹ ông, bà). Bà M sinh năm 1934 (chết) là con dâu trưởng của cụ Đinh T3 và cụ Hồ Thị D. Bà M có 2 người con chung với ông T4 là bà Đinh Thị L và bà Đinh Thị B. Lúc sinh thời do hoàn cảnh khó khăn, ông T4 lái xe, bà M làm nông vất vả, vừa chăm sóc nuôi ông bà nội và 2 con. Năm 1964, vợ chồng dành dụm, vay mượn vợ chồng ông (P) xây dựng lại ngôi nhà để tá túc thay căn nhà tranh siêu vẹo, mục nát của ông bà nội. Năm 1968, do bà M không có con trai nên đã cưới bà C1 cho ông T4 (không có đăng ký kết hôn). Từ đó, ông T4 sống cùng bà C1 cho đến khi chết và ít quan tâm đến mẹ cả. Sau năm 1975, trong giai đoạn kinh tế khó khăn, bà L, bà B phải nghỉ học để cùng bà M lặn lội làm thuê, làm mướn để kiếm sống và nuôi ông bà nội và lo cúng giỗ ông bà bên nhà chồng. Mặc dù ông Đinh L4 và ông Đinh L1 ở gần nhưng rất ít quan tâm. Còn ông C ở quận H không lo gì cho ông bà nội. Bà M là người nuôi, chăm sóc ông bà nội khi ông bà ốm đau lâu dài trong 10 năm. Đến năm 1987, ông nội Đinh Thắng chết, năm 1986, bà nội Dự chết. Bà M luôn là người thầm lặng, khốn khổ, chăm lo gia đình, tổ tiên nhà chồng. Theo hồ sơ 299/CT năm (1983 - 1984) kê khai đất ở, tại bản đồ số 04, số thửa 200 gồm ông Đinh T3 kê khai 500m^2, ông Đinh L4 kê khai 500m^2, bà Nguyễn Thị M kê khai 406m^2 (đất ở). Do ông bà nội tuổi cao, không lao động được, diện tích đất ông nội kê khai bỏ hoang, trừ căn nhà ông T4, bà M xây dựng, tường gạch mái ngói, không có cửa ngõ gì cả. Năm 1983, được sự hỗ trợ của HTX và bà con trong tổ, đội sản xuất vòng công, đổi công, bà M cải tạo diện tích đất hoang, tiến hành sản xuất để lo cho ông bà nội, cúng giỗ gia tiên, ông Đinh Viết T5 là liệt sỹ và lo cho các con. Năm 1992, theo hồ sơ 64/CP, Nhà nước kê khai đất đai, bà M sử dụng ổn định, hợp pháp và có mặt tại địa phương (ông bà nội đã mất năm 1986 và 1987) trên mảnh đất hoang hóa đã kê khai 299/TTg, được UBND huyện H công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C881730 ngày 22/7/1994. Tổng diện tích 1.830m^2 gồm đất ở, đất màu, đất lúa với các thửa 544, 303, 804, 15, 05, 06, 07 tại thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Năm 2013, do tuổi cao, sức yếu và được sự thống nhất của ông Đinh Văn T4 có văn bản xác nhận toàn bộ tài sản hiện có là tài sản riêng của bà M. Sau đó bà M cho toàn bộ tài sản trên cho chị gái là Đinh Thị L. Vì bà L không có chồng con nên bà M cho để tiếp tục thờ phụng ông bà tổ tiên đến cuối đời. Sau khi nhận tài sản được tặng cho, bà L đã được Sở Tài nguyên & Môi trường thành phố Đ cấp (sổ hồng) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền trên đất số BN090542 ngày

04/06/2013. Đến năm 2015, bà M mất. Từ năm 18 tuổi (1953), bà M đã về làm dâu và ở cùng ông bà nội trong căn nhà tranh cũ nát. Sau đó cha và bà M đã xây lại căn nhà gạch năm 1964, lợp ngói. Sau nhiều năm sử dụng, gió mưa, thời gian đã sụp mái hoàn toàn. Từ năm 1992 - 1995 bà B đi làm thuê ở Lào đã dành dụm gửi tiền về để bà M tu bổ lại căn nhà lần 2 vào năm 1994 (sửa mái lợp, đóng cửa, xây lại bàn thờ ông bà nội, tổ tiên...), có nhân chứng còn sống tại địa phương. Bà M là hộ nghèo, năm 1995 được UBND xã H hỗ trợ tiền để làm nhà tình nghĩa chống lũ, bà M đã vay mượn thêm sửa sang lại nhà dưới, làm nhà chống lũ để sinh hoạt cả gia đình. Suốt 63 năm làm dâu, bà M là người tận tâm, tận lực với ông bà nội, thờ cúng tổ tiên gia đình chồng, ông C có điều kiện kinh tế nhưng không quan tâm, chăm sóc ông bà nội. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

- *Bà* Đinh Thị B *trình bày:* bà là con của ông Đinh T4 và bà Trần Thị M1. Bà thống nhất với lời trình bày của L, ông P, bà L2. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

- *Bà* Nguyễn Thị S *trình bày:* bà là vợ ông Đinh L4, ông L4 là con cụ Đinh T3 và cụ Hồ Thị D. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

- *Ông* Đinh L1*, bà* Đinh Thị H*, bà* Đinh Thị T2*, ông* Đinh Viết T1*:* thống nhất với lời trình bày của ông C.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ *trình bày:* thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước thì tại Sổ Đăng ký, Sổ Mục kê ruộng đất, Bản đồ 299 của xã H thửa đất số 200, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.406m^2 do các ông bà có tên sau đăng ký kê khai chung thửa đất gồm: ông Đinh L4 đăng ký kê khai với diện tích 500m^2 loại đất "T"; ông Đinh T3 đăng ký kê khai với diện tích 500m^2 loại đất "T"; bà Nguyễn Thị M đăng ký kê khai với diện tích 406m^2 loại đất "T". Đến khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì ông Đinh L4 đăng ký kê khai 06 thửa đất với tổng diện tích 3.364m^2 tại Sổ đăng ký ruộng đất trong đó có thửa đất số 541, tờ bản đồ số 7, diện tích 792m^2 loại đất "T". Tại Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H lập ngày 20/07/1994 có tên ông Đinh L4, số phát hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 881618, số vào sổ 01537, diện tích 3.364m^2. Bà Nguyễn Thị M đăng ký kê khai 05 thửa đất với tổng diện tích 1.830m^2 tại Sổ đăng ký ruộng đất trong đó có thửa đất số 544, tờ bản đồ số 7, diện tích 817m^2 loại đất "T" được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 881730 ngày 22/7/1994, số vào sổ 00953. Riêng ông Đinh T3 có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299 đến thời điểm Nghị định 64/CP thì Chi nhánh không tìm thấy thông tin về việc đăng ký kê khai đất đai, cấp Giấy chứng nhận tại Sổ Đăng ký, Sổ Mục kê, Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã H. Tổng diện tích 2 thửa đất thổ cư của ông Đinh L4 và bà Nguyễn Thị M theo Nghị định 64/CP là 1.609m^2, lớn hơn diện tích đăng ký kê khai 299 tại thửa đất số 200, tờ số 4 là 203m^2 (do ông Đinh L4, ông Đinh T3, bà Nguyễn Thị M đăng ký kê khai với

tổng diện tích là 1.406m^2). Qua đối chiếu bản đồ 299 và bản đồ 64/CP thì vị trí thửa đất số 200, tờ bản đồ số 4 tương đối trùng khớp với vị trí hai thửa đất cấp theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 541 và thửa đất số 544 thuộc tờ bản đồ số 7. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 không có hồ sơ lưu nên Chi nhánh không cung cấp được. Hiện tại Chi nhánh chỉ lưu Sổ Đăng ký, Sổ Mục kê ruộng đất, Bản đồ 64, Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị M thì năm 2013, bà Nguyễn Thị M đã lập thủ tục tặng cho toàn bộ diện tích các thửa đất theo Giấy chứng nhận số C 881730 cho bà Đinh Thị L và bà Đinh Thị L được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyến sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 090542, cấp ngày 04/6/2013 tại thửa đất số 544, tờ bản đồ số 7, diện tích 888m^2 trong đó đất ở 400m^2; đất trồng cây hàng năm khác 488m^2. Trình tự, thủ tục tặng cho, cấp Giấy chứng nhận như nêu trên đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại thời điểm.

** Người làm chứng:*

- Ông Đinh Viết M2 trình bày: ông có họ hàng xa với cụ Đinh T3 (còn gọi Đinh Viết L3), ông gọi cụ T3 là chú họ, gọi cụ Hồ Thị D là thím. Ông sống cùng thời với cụ T3, cụ D. Cụ T3 chết năm 1987, cụ D chết năm 1986. Khi cụ T3 chết, lúc đó ông cũng đã ngoài 40 tuổi, chính ông là người phát tang cho cụ T3. Cụ T3 và cụ D có 07 người con, gồm: Đinh Thị B2, Đinh Viết N1, Đinh Viết B3 (3 người này chết từ lúc nhỏ, không vợ chồng con gì hết); 04 người còn lại là ông Đinh Văn T4 (chết), ông Đinh Viết L5, ông Đinh Viết L6 (hy sinh) và ông Đinh Thiên C. Ông T4 (tên gọi khác là Đinh Viết T6) đã chết, có 2 vợ; vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị M, sinh được 2 con Đinh Thị L, Đinh Thị B; vợ thứ hai là bà Trần Thị C1, sinh được 2 con Đinh Văn P, Đinh Thị L2. Ông Đinh Viết L5 (chết) có vợ là Nguyễn Thị S2 và 4 con: Đinh Viết T1, Đinh Viết B1, Đinh Thị H, Đinh Thị T2. Từ nhỏ đến nay ông sống ổn định tại tổ G thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Nhà ông ở gần nhà cụ Đinh T3. Nhà cụ Đinh T3 trước đây là nhà tranh, ông T1 lấy bà M thì ở chung với vợ chồng cụ Đinh T3 nhưng sau này do bà M không có con trai nên tìm vợ khác cho ông T1 nên ông T1 mới có người vợ thứ 2 là bà Trần Thị C1. Ông T1 lấy bà C1 thì ra Đà Nẵng ở, không ở cùng cha mẹ nữa mà chỉ có mẹ con bà M ở cùng cụ T3. Còn 3 người con: ông Đinh Viết L5 lập gia đình ở sát bên, ông Đinh Viết L6, ông Đinh Thiên C lớn lên thì đi ra Đà Nẵng học hành và lập nghiệp, không ở cùng với vợ chồng cụ Đinh T3. Chỉ có bà M và bà L ở cùng cụ T3, cụ D. Sau này cụ T3, cụ D đau ốm thì mẹ con bà M chăm. Nhà cụ T3, cụ D trước đây chỉ là nhà tranh dựng tạm. Năm 1964, vợ chồng ông T1, bà M xây mới lại căn nhà bằng vôi để ở. Đến năm 1988 do thiên tai bão lũ, căn nhà vôi này bị sụp đổ hoàn toàn, vợ chồng ông T1, bà M tiếp tục xây dựng lại thành căn nhà 3 gian. Được một thời gian sau thì bà Đinh Thị L - con gái bà M đi Lào dành dụm tiền gửi về để sửa sang như: làm cửa, bàn thờ, lợp ngói, quét vôi... Đến năm 1995, Nhà nước hỗ trợ cho gia đình bà M 17.000.000đồng để làm nhà tránh lũ, mẹ con bà M vay mượn thêm một ít tiền xây nên căn nhà thứ hai nên hiện nay là có 2 căn nhà do bà L quản lý. Tại văn bản "Đơn xác nhận" của bà Đinh Thị L, ông là người ký xác nhận. Nay ông

già yếu, nhà lại ở xa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông xin cam đoan những lời trình bày của ông là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Ông Đinh Chương trình b: ông có họ hàng xa với cụ Đinh T3 (còn có tên tục Đinh Viết L3), ông gọi cụ T3 là chú họ, gọi cụ Hồ Thị D là thím. Ông sống cùng thời với hai cụ. Cụ T3 chết năm 1987, cụ D chết năm 1986. Khi đó ông cũng đã lớn tuổi, đã có vợ và con. Cụ T3 và cụ D có 07 người con, gồm: Đinh Thị B2, Đinh Viết N1, Đinh Viết B3 (3 người này chết từ lúc nhỏ, không vợ chồng con gì hết); 04 người còn lại là ông Đinh Văn T4 (chết), ông Đinh Viết L5, ông Đinh Viết L6 và ông Đinh Thiên C. Ông T4 (tên gọi khác là Đinh Viết T6) đã chết, có 2 vợ; vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị M, sinh được 2 con Đinh Thị L, Đinh Thị B; vợ thứ hai là bà Trần Thị C1, sinh được 2 con Đinh Văn P, Đinh Thị L2. Ông Đinh Viết L5 (chết) có vợ là Nguyễn Thị S2 và 4 con: Đinh Viết T1, Đinh Viết B1, Đinh Thị H, Đinh Thị T2. Ông Đinh Viết L6. Từ nhỏ đến lúc già ông sống ổn định tại tổ G thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Nhà ông ở gần nhà cụ Đinh T3. Nhà cụ T3, cụ D trước đây chỉ là nhà tranh vách lá. Đến năm 1964 thì vợ chồng ông T1, bà M xây lại thành căn nhà bằng vôi. Đến năm 1988 do lụt nên bị sụp đổ hoàn toàn, vợ chồng ông T1 bà M tiếp tục xây mới lại thành căn nhà 3 gian. Sau này thì có sửa sang lại như làm cửa, lợp ngói... Ông già rồi không nhớ được chính xác hết nhưng nhà tranh cũ trước đây của cụ T3, cụ D đã gỡ bỏ hoàn toàn, không còn nữa. Sau này vợ chồng ông T1, bà M mới sửa sang lại. Bà M - con dâu trưởng ở cùng cụ T3, cụ D nuôi cha mẹ chồng cho đến lúc họ qua đời. Tại văn bản "Đơn xác nhận" của bà Đinh Thị L, ông là người ký vào "Đơn xác nhận" của bà L, những nội dung ghi trong đơn bà L trình bày bà L đã đọc cho ông nghe là đúng sự thật. Ông già rồi, nhà lại ở xa, không quan tâm chuyện khởi kiện của ông C nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông xin cam đoan những lời trình bày của ông là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Ông Lê Viết X trình bày: ông là hàng xóm và sống cùng thời với cụ Đinh T3 và cụ Hồ Thị D, cụ D chết năm 1986, cụ T3 chết năm 1987. Cụ T3 và cụ D có 07 người con, gồm: Đinh Thị B2, Đinh Viết N1, Đinh Viết B3 (3 người này chết từ lúc nhỏ, không vợ chồng con gì hết); 04 người còn lại là ông Đinh Văn T4 (chết), ông Đinh Viết L5, ông Đinh Viết L6 và ông Đinh Thiên C. Ông T4 (tên gọi khác là Đinh Viết T6) đã chết, có 2 vợ; vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị M, sinh được 2 con Đinh Thị L, Đinh Thị B; vợ thứ hai là bà Trần Thị C1, sinh được 2 con Đinh Văn P, Đinh Thị L2; ông Đinh Viết L5 (chết) có vợ là Nguyễn Thị S2 và 4 con: Đinh Viết T1, Đinh Viết B1, Đinh Thị H, Đinh Thị T2, Đinh Viết L6. Trước đây nhà của cụ T3, cụ D là nhà tranh vách lá. Đến năm 1964, cha của ông là cụ Lê Đ qua làm nhà cho cụ Đinh T3, nhà tranh vách lá bị sụp xây mới thành căn nhà vôi, không có cửa ngõ gì hết, có sự đóng góp của vợ chồng ông T1, bà M. Đến năm 1988, vợ chồng ông T1, bà M tiếp tục đập và xây lại mới toàn bộ thành căn nhà 3 gian lợp ngói cho đến nay. Bà M - con dâu trưởng và hai con ở cùng cụ T3, cụ D, nuôi cha mẹ chồng cho đến lúc họ qua đời. Hiện nay có 2 căn nhà, 1 căn là nhà 3 gian trước đây để làm nhà thờ, còn có

thêm 1 căn nhà là do hồi đó Nhà nước hỗ trợ tiền cho mẹ con bà M xây để làm nhà tránh lũ. Cả hai căn nhà đều đang do bà L quản lý và thờ phụng. Việc ông C khởi kiện bà Đinh Thị L là chuyện mâu thuẫn của gia đình họ, ông là hàng xóm không quan tâm. Do tuổi cao, sức khỏe yếu, ông đề nghị xét xử vắng mặt ông. Ông cam đoan lời trình bày là đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 623, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử vụ án "Công nhận di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt" giữa nguyên đơn ông Đinh Thiên C và bị đơn bà Đinh Thị L do hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2023, nguyên đơn ông Đinh Thiên C kháng cáo với nội dung: đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa bản án sơ thẩm. Ngày 26/6/2023, ông Đinh thiên C2 có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đinh Thiên C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Thiên C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toà án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp công nhận di sản thừa kế và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác. Cấp phúc thẩm thấy cần điều chỉnh lại.

[2] Cụ Đinh T3 (tên gọi khác: Đinh Viết L3, chết năm 1989) và cụ Hồ Thị D (chết năm 1986) có 07 người con: bà Đinh Thị B2, ông Đinh Viết N1, ông Đinh Viết B3, ông Đinh Văn T4, ông Đinh L5, ông Đinh L6 và ông Đinh Thiên

C. Bà B2, ông N1, ông B3 chết khi còn trẻ, không có vợ, chồng, con. Ông Đinh Văn T4 (chết năm 2016) có 02 vợ: vợ thứ nhất là bà Nguyễn Thị M (chết năm 2015), ông T4 và bà M có 2 con chung là bà Đinh Thị B, Đinh Thị L; vợ thứ hai là bà Trần Thị C1 (còn sống), ông T4 và bà C1 có 02 con chung là ông Đinh Văn P, bà Đinh Thị L2 (Đinh Thị Thu L2). Ông Đinh L5 (chết năm 2019) có vợ là bà Nguyễn Thị S, có 4 con chung: ông Đinh Viết T1, ông Đinh Viết B1, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị T2. Đây là những người thuộc diện thừa kế của cụ T3 và cụ D. Cụ T3 và cụ D chết không để lại di chúc. Nguyên đơn ông Đinh Thiên C cho rằng trước khi chết, cụ T3 và cụ D có để lại di sản là 590,5m^2 đất và ngôi nhà có diện tích 55,2m^2 tại thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Di sản này hiện nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đinh Thị L do bà M tặng cho. Ông yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L. Ngược lại, bị đơn bà Đinh Thị L cho rằng nhà đất này là tài sản của cha mẹ bà (ông Đinh Văn T4 và bà Nguyễn Thị M) nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ xét xử vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đinh Thiên C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông vì nhà đất này là di sản thừa kế do cha mẹ ông để lại và ông yêu cầu huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đinh Thị L. Ông C kháng cáo bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Thiên C, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Cụ Hồ Thị D chết năm 1986, cụ Đinh T3 chết năm 1989. Trường hợp này được xác định thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế. Như vậy, thời hiệu khởi kiện là 10 năm tính từ ngày 10/9/1990. Sau ngày 10/9/2000, đương sự không có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác. Ngoài ra, căn cứ khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 thì thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 không tính vào thời hiệu khởi kiện đối với trường hợp thừa kế không có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia. Do đó, sau ngày 10/3/2003 là hết thời hiệu khởi kiện, nhưng đến ngày 30/11/2020 ông Đinh Thiên C mới khởi kiện là hết thời hiệu. Mặt khác, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự

năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo Giấy chứng tử thì cụ Đinh T3 chết ngày 04/11/1989 nhưng đến ngày 30/11/2020 ông C mới khởi kiện tại Toà án thì cũng đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là có cơ sở.

[3.2] Quá trình Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày 20/4/2023, bị đơn bà Đinh Thị L có đơn yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Yêu cầu của bà L được đưa ra trước khi Toà án cấp sơ thẩm ra bản án nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Thiên C, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đinh Thiên C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.Nhưng xét, ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Thiên C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 184,điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 623, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Đinh Thiên C và bị đơn bà Đinh Thị L do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đinh Thiên C.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên